

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PLEIKU  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 14/8/2020.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Bà Doãn Thị Lệ;

+ Ông Lương Văn Kiên.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Vân - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa:*  
Bà Cao Thảo Nga.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 281/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/5/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1984 – Địa chỉ: 75/25 đường L, tổ 5, phường A, thị xã A, tỉnh GL, (Có mặt).

- Bị đơn: chị Nguyễn Thị Kiều M, sinh năm 1991 – Địa chỉ: Tổ 6, phường T, thành phố P, tỉnh GL, (Vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:**

**-Về hôn nhân:** Tôi và cô Nguyễn Thị Kiều M có thời gian tìm hiểu, sau đó cả hai tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 16/4/2013 tại UBND phường An Bình, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn tôi và cô M thuê nhà ở ngã tư Biển Hồ thuộc phường Yên Thế thành phố Pleiku để sống. Trong quá trình chung sống cả

hai đã phát sinh mâu thuẫn gia đình, nguyên nhân là do cô M còn trẻ suy nghĩ rất bông bột nên cả hai thường xuyên bất đồng quan điểm, một phần cô M đã rất nhiều lần vay tiền nặng lãi ở bên ngoài để sử dụng vào mục đích riêng, tôi đã nhiều lần khuyên ngăn và hỏi rõ về số tiền cô M vay để làm gì nhưng cô M không nói. Sau nhiều lần xảy ra mâu thuẫn thì đến đầu năm 2017 cô M cùng hai con về nhà mẹ đẻ ở tại 50/1/38/19 Lê Đại Hành, Tổ 6, phường T, thành phố P, tỉnh GL. Trong thời gian cả hai sống ly thân, tôi đã nhiều lần đến gặp cô M để khuyên cô M cùng hai con về nhà, nhưng cô M nhất quyết không về, tôi nhận thấy cô M không còn yêu thương tôi nữa và bản thân tôi cũng nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng kéo dài không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Để có cuộc sống ổn định về sau, tôi viết đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với cô Nguyễn Thị Kiều M.

- **Về con chung:** Tôi và cô M có hai con chung là cháu Nguyễn Kiều Linh, sinh ngày 14/8/2013 và cháu Nguyễn Kiều Diễm, sinh ngày 27/5/2016. Về con chung thì từ khi cô M dọn về nhà mẹ đẻ để ở tại số nhà: 50/1/38/19 Lê Đại Hành, tổ 6, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku; thì cô M có dẫn theo cháu Linh, cháu Diễm và hiện nay hai con vẫn đang do cô M là người trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy ly hôn tôi đề nghị Tòa án giao hai con chung là cháu Linh, cháu Diễm cho cô M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi hai cháu thành niên.

- **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Hiện tại cô M cố tình giấu địa chỉ và tránh mặt tôi, nếu sau này cô M có yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng, tôi sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

- **Về tài sản chung và nghĩa vụ chung:** Không có tài sản chung và nghĩa vụ chung, không đề cập giải quyết.

Ngoài ra anh Q không trình bày gì thêm.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều M: Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, thì chính quyền địa phương nơi chị M đăng ký hộ khẩu cung cấp, hiện tại chị M không có mặt tại địa phương; vì để đảm bảo được quyền lợi cho bị đơn là chị M, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q có đơn yêu cầu Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Toà án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai tất cả các văn bản tố tụng theo qui định pháp luật về nơi cư trú cuối cùng của chị M (Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên hoà giải; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa) theo qui định pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn cư trú tại thành phố Pleiku nên Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân

thủ đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q, anh Q được ly hôn chị Nguyễn Thị Kiều M. Về con chung, theo lời trình bày của anh Q, hai con chung hiện đang ở với chị M, vì vậy ly hôn giao hai con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và tự lập được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Anh Nguyễn Văn Q khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với chị Nguyễn Thị Kiều M có địa chỉ tại 50/1/38/19 Lê Đại Hành, Tổ 6, phường T, thành phố P, tỉnh GL. Đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo qui định pháp luật, nhưng tại phiên tòa lần thứ hai chị Nguyễn Thị Kiều M vắng mặt không có lý do. Vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều M.

Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị Kiều M tự nguyện tìm hiểu sau đó kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Bình, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai vào năm 2013 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian chung sống với nhau giữa anh Q và chị M đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm rạn nứt mà không thể hàn gắn được; nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Nguyễn Văn Q có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều M.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho chị M để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ, nhưng chị M không đến Tòa án làm việc, không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của anh Q và tại phiên tòa hôm nay chị M cũng vắng mặt; như vậy chị M không có thiện chí mong muốn được hòa giải đoàn tụ với anh Q. Tòa án tiến hành xác minh tại tổ 6, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, ông Nông Hoàng Việt - Tổ phó tổ 6 cho biết: “Chị Nguyễn Thị Kiều M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 6, phường T, thành phố P, tỉnh GL và ở tại số nhà 50/1/38/19 Lê Đại Hành, nhưng hiện tại căn nhà này đã cho người khác thuê, chị M không có mặt tại địa phương, về tình trạng hôn nhân giữa anh Q và chị M như thế

nào thì địa phương không nắm rõ, chỉ biết hai người này đã sống ly thân từ vài năm nay”.

[2] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy: anh Q và chị M là vợ chồng hợp pháp nhưng anh, chị không ở bên nhau để yêu thương, chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân và cùng nhau chăm sóc con chung; sau khi sống ly thân cả hai mạnh ai người đó sống không quan tâm hay liên lạc với nhau. Như vậy hôn nhân của cả hai đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc anh Q yêu cầu ly hôn với chị M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Trong thời kỳ hôn nhân anh Q và chị M có hai con chung là cháu Nguyễn Kiều Linh, sinh ngày 14/8/2013 và cháu Nguyễn Kiều Diễm, sinh ngày 27/5/2016. Qua lời trình bày của anh Q, sau khi cả hai sống ly thân cô M cùng hai con dọn về số nhà: 50/1/38/19 Lê Đại Hành, tổ 6, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku để ở và anh Q cũng có nguyện vọng giao hai con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Vì vậy, ly hôn cần giao hai con chung là cháu Nguyễn Kiều Linh và cháu Nguyễn Kiều Diễm cho chị Nguyễn thị Kiều M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi thành niên và tự lập là phù hợp.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Q không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, nhưng hiện tại chưa có thông tin gì về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị, vì vậy khi nào có ý kiến yêu cầu thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết sau.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Theo nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày không có tài sản chung và nghĩa vụ chung nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: anh Nguyễn Văn Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;**

**- Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;**

**- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án) và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.**

**Tuyên xử:**

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q.

Anh Nguyễn Văn Q được ly hôn chị Nguyễn Thị Kiều M.

[2]. Giao hai con chung là cháu Nguyễn Kiều Linh, sinh ngày 14/8/2013 và cháu Nguyễn Kiều Diễm, sinh ngày 27/5/2016 cho chị Nguyễn Thị Kiều M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi thành niên và tự lập.

Anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

[3] Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án đã nộp là: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: 0004994, ngày 14/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Anh Nguyễn Văn Q đã nộp đủ tiền án phí.

Trong hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (14/8/2020) nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP.Pleiku;
- Chi cục THADS TP.Pleiku;
- (UBND phường An Bình, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai; Số: 26, ngày 16/4/2013).
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Nga**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**







